

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HS-ST
Ngày 30 - 5 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình

Ông Đỗ Viết Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/TLST- HS ngày 21 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Lưu G**, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1978 tại thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; G tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Phạm Lưu N, sinh năm 1952; Mẹ: Nguyễn Thị X (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 1; Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm Lưu G1** - Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1985 tại thị trấn L, huyện T, tỉnh T;

Nơi cư trú: Khu phố G , thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Phạm Lưu K (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị L , sinh năm 1955; Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ 5; Vợ: Trần Thị H , sinh năm 1988; Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Văn Đ - Sinh ngày 20 tháng 9 năm 1981 tại: Khu phố G , thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố G , thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Đỗ Minh H , sinh năm 1949; Mẹ: Đinh Thị T , sinh năm 1950; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Nguyễn Thị H , sinh năm 1983; Có 02 con, con lớn sinh năm 2017; con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 03/7/2018 bị Công an huyện N xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Mức phạt 1.500.000đ. Ngày 13/7/2018 đã thi hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Văn M - Sinh ngày 15 tháng 8 năm 1964 tại thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố G , thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Lê Văn S (đã chết); Mẹ: Lê Thị L (đã chết); Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ 5; Vợ: Phạm Thị T , sinh năm 1969; Có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Xuân B - Sinh ngày 02 tháng 6 năm 1970 tại thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Lê Xuân N (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị T , sinh năm 1945; Gia đình có 04 anh em bị cáo là con thứ 3; Vợ: Trịnh Thị C , sinh năm 1973; Có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022 thì thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

6. **Lê Hồng Q** - Sinh ngày 03 tháng 5 năm 1968 tại thị trấn L, huyện T, tỉnh T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 3/10; Dân tộc: Kinh; G tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Lê Hồng S (đã chết); Mẹ: Trịnh Thị B (đã chết); Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ 5; Vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1967; Có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

7. **Nguyễn Hữu B1** - Sinh ngày 16 tháng 7 năm 1991 tại thị trấn L, huyện T, tỉnh T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; G tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Hữu M (đã chết); Mẹ: Lê Thị M, sinh năm 1955; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 4; Chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người làm chứng: Anh Phạm Lưu Đ; Sinh năm 1991. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn L, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h 30 phút ngày 05/02/2022, Lê Xuân B và Lê Văn M đến nhà Phạm Lưu G cùng khu G, thị trấn L, huyện T ngồi chơi, uống nước. Tại phòng khách, G rủ B và M đánh bài B cây ăn tiền thì B và M đồng ý. G trải chiếu và lấy bài tú lơ khơ rồi cùng B và M ngồi đánh bạc ngay tại phòng khách. Các đối tượng thống nhất đánh bạc dưới hình thức đánh “Ba cây” ăn tiền, mỗi ván đặt cửa từ 20.000đ đến 50.000đ, ai được 10 điểm thì cầm cái. Quá trình đánh bạc có Đỗ Văn Đ, Lê Hồng Q, Phạm Lưu G1 đến và cùng tham gia đánh bạc. Nguyễn Hữu B1 đến nhưng không đem theo tiền nên ngồi xem, khi B đứng dậy đi vệ sinh thì nhờ B1

cầm bài và tiền thay B đánh bạc. Sau đó B vào ngồi cạnh B1 và vẫn để B1 thay B đánh bạc. Lúc sau có Phạm Lưu Đ, sinh năm 1991 ở cùng khu, đến chơi nhưng chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến 23h 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an thị trấn L vào kiểm tra phát hiện và bắt quả tang.

Thu giữ gồm: 01 chiếu cói, 01 bộ bài Tú lơ khơ 36 cây, thu tại chiếu số tiền 11.600.000đ.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Lưu G nhưng không thu giữ được gì.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận khi tham gia đánh bạc, G sử dụng số tiền 700.000đ; Q sử dụng 950.000đ; Đ sử dụng 650.000đ; B sử dụng 700.000đ; M sử dụng 800.000đ và G1 sử dụng 7.800.000đ. Tổng số tiền đánh bạc là 11.600.000đ. B1 không đem theo tiền mà sử dụng tiền của B để đánh bạc.

Đối với Phạm Lưu Đ không tham gia đánh bạc nên không có căn cứ xử lý.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 36 cây; Số tiền 11.600.000đ; 01 chiếu cói đã qua sử dụng đang quản lý theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 27/CT - VKSTX ngày 19/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo: Phạm Lưu G, Phạm Lưu G1, Lê Xuân B, Lê Văn M, Đỗ Văn Đ, Lê Hồng Q và Nguyễn Hữu B1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo: Phạm Lưu G, Phạm Lưu G1, Lê Xuân B, Lê Văn M, Đỗ Văn Đ, Lê Hồng Q và Nguyễn Hữu B1 phạm tội: “Đánh bạc”;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Lưu G và Đỗ Văn Đ; Áp dụng thêm khoản 3 điều 321 BLHS đối với bị cáo Phạm Lưu G; Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Phạm Lưu G từ 09(chín) tháng đến 12(mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18(mười tám) tháng đến 24(Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Phạm Lưu G từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ;

Bị cáo Đỗ Văn Đ từ 07(bảy) tháng đến 09(chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14(mười bốn) tháng đến 18(mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Đ.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Lưu G1, Lê Xuân B, Lê Văn M, Lê Hồng Q và Nguyễn Hữu B1; Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 đối với bị cáo Phạm Lưu G1; Áp dụng thêm khoản 3 điều 321 BLHS đối với các bị cáo Lê Xuân B, Lê Hồng Q và Nguyễn Hữu B1; Đề nghị xử phạt:

Bị cáo Phạm Lưu G1 từ 15(mười lăm) tháng đến 18(mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022; Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo G1; Không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo G1.

Bị cáo Lê Xuân B từ 12(mười hai) tháng đến 15(mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022; Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Xuân B 149.000đ/tháng; Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo B từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ.

Bị cáo Lê Văn M từ 12(mười hai) tháng đến 15(mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022; Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Văn M; Không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo M.

Bị cáo Lê Hồng Q từ 12(mười hai) tháng đến 15(mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022; Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Hồng Q 149.000đ/tháng; Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Q từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ.

Bị cáo Nguyễn Hữu B1 từ 09(chín) tháng đến 12(mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022; Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Hữu B1 149.000đ/tháng Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo B1 từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ.

Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật; Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và

xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản thu giữ tang vật, lời khai của những người làm chứng đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào ngày 05/02/2022 các bị cáo: Phạm Lưu G, Phạm Lưu G1, Lê Xuân B, Lê Văn M, Đỗ Văn Đ, Lê Hồng Q và Nguyễn Hữu B1 đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh “B cây” ăn tiền với tổng số tiền là 11.600.000đ. Do đó hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc”.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo: Phạm Lưu G, Phạm Lưu G1, Lê Xuân B, Lê Văn M, Đỗ Văn Đ, Lê Hồng Q và Nguyễn Hữu B1 phạm tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 27/CT - VKSTX ngày 19/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đều nhằm mục đích lợi nhuận, thắng thua sát phạt lẫn nhau bằng hình thức đánh bạc ăn tiền. Hành vi đó đã xâm phạm trật tự trị an, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Đây là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả xấu và nghiêm trọng khác. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh để giáo dục các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[4] Về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là trường hợp có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò và mức độ phạm tội khác nhau nên các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Trong vụ án này bị cáo Phạm Lưu G là người rủ các bị cáo đánh bạc và tham gia đánh bạc từ đầu tại nhà ở của mình với số tiền 700.000đ nên bị cáo G xếp vai trò thứ nhất trong vụ án. Do đó bị cáo G phải chịu mức hình phạt cao nhất;

Bị cáo G1 tham gia đánh bạc với số tiền nhiều nhất 7.800.000đ nên bị cáo G1 xếp vai trò thứ hai trong vụ án. Do đó bị cáo G1 phải chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo G và cao hơn các bị cáo khác.

Các bị cáo M, Đ, B và Q tham gia đánh bạc với số tiền gần ngang nhau nên xếp vai trò ngang nhau và xếp thứ 3 trong vụ án.

Bị cáo B1 tham gia với vai trò giúp sức nên xếp vai trò cuối cùng trong vụ án.

[5] Về nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì HĐXX thấy rằng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đều không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Đ có nhân thân: Ngày 03/7/2018 bị Công an huyện Ngọc Lặc xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Mức phạt 1.500.000đ. Ngày 13/7/2018 đã thi hành xong. Các Bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo Đỗ Văn Đ có bố là thương binh hạng 1/4. Ngoài ra bố bị cáo Đ là ông Đỗ Minh H được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng B và Huân chương chiến sĩ giải phóng; Bị cáo G có thời gian phục vụ trong Q đội; Bị cáo G1 có bố là ông Phạm Lưu K được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, nên các bị cáo Đ, G1 và G được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt: HĐXX xét thấy: Đối với bị cáo Đ mặc dù nhân thân đã bị xử lý hành chính nhưng tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Đối với bị cáo G giữ vai trò chính trong vụ án nên HĐXX không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà căn cứ vào điều 65 BLHS cho các bị cáo Đ và G hưởng án treo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo G1, M, B, Q và B1 đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng và không còn nguy hiểm cho xã hội nên HĐXX căn cứ điều 36 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Đối với hai bị cáo G1 và M hiện tại không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn nên HĐXX không khấu trừ thu nhập đối với 2 bị cáo. Đối với các bị cáo B, Q, B1 có thu nhập từ công

việc phụ hồ khoảng từ 4.000.000đ đến 6.000.000đ nên HĐXX khấu trừ thu nhập đối với mỗi bị cáo với mức 149.000đ/tháng sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật HĐXX xét thấy cần phải áp dụng khoản 3 điều 321 BLHS đối với các bị cáo G, B, Q và B1 để phạt bổ sung các bị cáo G, B, Q và B1 số tiền từ 15 đến 25 triệu đồng sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với các bị cáo G1, M và Đ đều có hoàn cảnh, điều kiện kinh tế khó khăn các xác nhận của chính quyền địa phương nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án là 01 bộ bài Tú lơ khơ 36 cây là công cụ phương tiện phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 11.600.000đ các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng là vật không có giá trị và không sử dụng được nên căn cứ khoản 1 điều 47 BLHS và điểm c khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 điều 331 và khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58 BLHS năm 2015;

- Tuyên bố: Các bị cáo: Phạm Lưu G, Phạm Lưu G1, Lê Xuân B, Lê Văn M, Đỗ Văn Đ, Lê Hồng Q và Nguyễn Hữu B1 phạm tội: "Đánh bạc"

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Phạm Lưu G và Đỗ Văn Đ. Áp dụng thêm khoản 3 điều 321 BLHS đối với bị cáo Phạm Lưu G;

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Lưu G 12(mười hai)tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24(hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Phạt tiền bổ sung Bị cáo Phạm Lưu G 25.000.000đ(Hai mươi lăm triệu đồng chẵn).

Bị cáo Đỗ Văn Đ 07(bảy) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14(mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Đỗ Văn Đ.

Giao các bị cáo Phạm Lưu G và Đỗ văn Đ cho UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Phạm Lưu G1, Lê Xuân B, Lê Văn M, Lê Hồng Q và Nguyễn Hữu B1; Áp dụng thêm khoản 2 điều 51 đối với bị cáo Phạm Lưu G1; Áp dụng thêm khoản 3 điều 321 BLHS đối với các bị cáo Lê Xuân B, Lê Hồng Q, Nguyễn Hữu B1.

- Xử phạt:

Bị cáo Phạm Lưu G1 15(mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022(5 ngày x 3 = 15 ngày). Thời gian còn lại 14 tháng 15 ngày; Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Lưu G1; Không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Phạm Lưu G1.

Bị cáo Lê Văn M 12(mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022(5 ngày x 3 = 15 ngày). Thời gian còn lại 11 tháng 15 ngày. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Văn M; Không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Lê Văn M.

Bị cáo Lê Xuân B 12(mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022(5 ngày x 3 = 15 ngày). Thời gian còn lại 11 tháng 15 ngày; Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Xuân B 149.000đ/tháng sung Quỹ Nhà nước; Phạt tiền bổ sung bị cáo Lê Xuân B 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng chẵn) sung Quỹ Nhà nước.

Bị cáo Lê Hồng Q 12(mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022(5 ngày x 3 = 15 ngày). Thời gian còn lại 11 tháng 15 ngày; Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê

Hồng Q 149.000đ/tháng sung Quỹ Nhà nước. Phạt tiền bổ sung bị cáo Lê Hồng Q 20.000.000đ(Hai mươi triệu đồng chẵn) sung Quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Hữu B1 09(chín) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/02/2022(5 ngày x 3 = 15 ngày). Thời gian còn lại 08 tháng 15 ngày; Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Hữu B1 149.000đ/tháng sung Quỹ Nhà nước. Phạt tiền bổ sung bị cáo Nguyễn Hữu B1 15.000.000đ(Mười lăm triệu đồng chẵn) sung Quỹ Nhà nước.

Thời hạn chấp hành án tính từ ngày UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh T nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao bản án của Tòa án nhân dân huyện T. Giao các bị cáo Phạm Lưu G1, Lê Xuân B, Lê Văn M, Lê Hồng Q và Nguyễn Hữu B1 cho UBND thị trấn L, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật TTHS năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 36 cây bài Tú lơ khơ; 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng; Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 11.600.000đ

Toàn bộ số vật chứng trên được thể hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng số 52 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị Quyết quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội.

Buộc các bị cáo Phạm Lưu G, Phạm Lưu G1, Lê Xuân B, Lê Văn M, Đỗ Văn Đ, Lê Hồng Q và Nguyễn Hữu B1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 điều 331 và khoản 1 điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh T
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- UBND thị trấn L,
huyện T, tỉnh T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Hằng